

CỤC DIỆN VỪA ĐÁNH VỪA ĐÀM LẦN THỨ HAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

LƯƠNG VIỆT SANG*

Vừa đánh vừa đàm là nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh đã có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Đây là nghệ thuật kết hợp tiến công địch cả về quân sự và ngoại giao, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi cuối cùng.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Chính phủ kháng chiến Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã áp dụng sách lược vừa đánh vừa đàm, có lúc phải "hòa để tiến". Hai văn kiện thể hiện sách lược này là Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946), được ký giữa lúc tiếng súng kháng chiến đang nổ vang ở Nam Bộ, đã có tác dụng dành thêm thời gian quý giá để chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến lâu dài. *Đây là thời kỳ thứ nhất của cục diện vừa đánh vừa đàm trong kháng chiến chống Pháp.* Từ sau sự kiện 19-12-1946, cục diện vừa đánh vừa đàm không thể duy trì do phía Chính phủ Pháp cố giữ lập trường thực dân, không đáp lại thiện chí đề nghị "lập lại sự giao hảo" của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Chính phủ Pháp quyết tâm dùng sức mạnh quân sự để tái lập chế độ thuộc địa cũ ở Việt Nam và Đông Dương.

Phải đến cuối năm 1953, *thời kỳ thứ hai của cục diện vừa đánh vừa đàm mới được tiếp tục mở ra* do diễn biến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam và do tác động của tình hình quốc tế. Sau một loạt những thất bại quân sự, đã nhiều lần thay tướng mà không cải thiện được tình hình, Chính phủ Pháp buộc phải thay đổi lập trường thực dân. Tháng 5-1953, khi giao nhiệm vụ cho Tướng bốn sao Nava sang thay Salăng làm Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương, Thủ tướng Pháp Ronê Maye đã đánh giá tình hình Đông Dương không có lợi cho Pháp và cho rằng khó có thể đưa lại cho ông một giải pháp thuận lợi. Theo Ronê Maye, vấn đề là tìm ra cho nước Pháp một lối thoát trong vinh dự nhưng đến lúc này ông cũng chưa biết sẽ thoát ra bằng cách nào và làm thế nào để đạt tới nó. Vậy là mục đích của Chính phủ Pháp khi cử Nava sang Đông Dương là thay đổi tình hình quân sự sao cho có lợi cho cuộc thương lượng sẽ diễn ra với Việt Minh. Ngày 24-7-1953, Hội đồng Quốc phòng Pháp tại Pari đã họp thông qua kế hoạch Nava. Theo đó từ mùa Thu 1954, quân Pháp sẽ tiến công chiến lược giành những thắng lợi quân sự quyết định buộc Việt Nam phải chấp nhận đàm phán theo

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

những điều kiện của Pháp. Kế hoạch Nava tự nó đã chứa đựng mục tiêu thương lượng nhưng là thương lượng trên thế mạnh.

Về phía Việt Nam, nắm rõ âm mưu của địch, từ tháng 9-1953, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp bàn kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954, quyết định lấy hướng Tây Bắc là một hướng chính, các hướng khác là hướng phối hợp.

Trong khi Nava đang triển khai kế hoạch của mình ở Đông Dương thì tại Pari, ngày 12-11-1953, Thủ tướng Pháp Lanien, mặc dù là người thuộc phái “chủ chiến” nhưng trước sức ép của dư luận, nhất là của các nghị sĩ phản chiến, cũng phải tuyên bố: “Nếu một giải pháp danh dự xuất hiện trong khung cảnh địa phương hoặc trong khung cảnh quốc tế, nước Pháp sẽ vui lòng chấp nhận một giải pháp ngoại giao cho cuộc xung đột” (1).

Chỉ 8 ngày sau tuyên bố của Thủ tướng Pháp, ngày 20-11-1953, Nava cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ do có tin tình báo Đại đoàn 316 của Việt Minh đang hành quân về hướng Tây Bắc. Quân đội Pháp đã nhanh chóng xây dựng lòng chảo Điện Biên Phủ trở thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất chưa từng có ở Đông Dương.

Trên thế giới, ở khu vực châu Á, cuộc chiến tranh Triều Tiên vừa được giải quyết bằng việc các bên liên quan ký kết Hiệp định Bàn Môn Điếm ngày 27-7-1953, đình chiến bằng một giải pháp quân sự mà không có giải pháp chính trị. Đình chiến ở Triều Tiên đã ảnh hưởng ngay đến dư luận nước Pháp. Phong trào phản chiến trong nước Pháp lên cao và đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Chính phủ Pháp thay đổi thái độ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam như đã trình bày

ở trên. Sau này Nava cho rằng đây là sự kiện làm cho ở Pháp tinh thần quốc gia xuống cấp và đẩy lên “niềm hy vọng nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương” (2).

Đình chiến ở Triều Tiên cũng ảnh hưởng tới dư luận thế giới và quan điểm của các nước lớn trong việc giải quyết các cuộc chiến tranh khu vực. Vào thời gian này, Liên Xô bắt đầu thực hiện chính sách đối ngoại hòa hoãn nên muốn sớm đi đến giải pháp hòa bình cho vấn đề Đông Dương để ngăn Mỹ mở rộng chiến tranh nóng ở một khu vực chưa phải là quyền lợi sát sườn và ảnh hưởng của mình cũng chưa mạnh. Liên Xô muốn tập trung vào khu vực châu Âu, nơi mà cách đó 4 năm đã diễn ra sự kiện phân đôi nước Đức. Về đối nội, Liên Xô có nhiều việc phải làm sau khi Stalin mất tháng 3-1953 và có sự thay đổi liên tục trong ban lãnh đạo cấp cao. Báo *Sao đỏ* của Liên Xô ra ngày 3-8-1953 viết: “Đình chiến ở Triều Tiên cần thúc đẩy việc chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương” (3).

Trung Quốc vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh Triều Tiên, đang muốn tập trung vào khôi phục kinh tế, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, củng cố chế độ dân chủ nhân dân, cũng chủ trương sớm giải quyết hòa bình cuộc xung đột ở Đông Dương, ngăn chặn đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh, bảo đảm hòa bình và an ninh cho Trung Quốc ở phía Đông Nam. Ngay sau ngày Hiệp định đình chiến Bàn Môn Điếm được ký kết, *Nhân dân nhật báo* có bài cho rằng không có cuộc xung đột quốc tế nào không thể giải quyết được bằng thương lượng. Ngày 24-8-1953, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai tuyên bố có thể thảo luận các vấn đề khác sau khi giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên (4). Trước đó, ngày 4-8-1953, Liên Xô đã gửi công hàm cho các

nước lớn gợi ý triệu tập một hội nghị 5 nước là Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc để nghiên cứu các biện pháp nhằm giảm bớt tình hình căng thẳng ở Viễn Đông. Như vậy, nếu được tham gia giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương, Trung Quốc sẽ có cơ hội khẳng định vai trò của mình trên trường quốc tế với tư cách là một nước lớn.

Chỉ có Mỹ là muốn duy trì cuộc chiến tranh ở Đông Dương nên vẫn tiếp tục rút viện trợ cho Pháp và không muốn Pháp đàm phán với Việt Minh. Giới cầm quyền Mỹ cho rằng “việc Pháp rút quân khỏi Việt Nam sẽ đặt nước Mỹ vào vị trí rất khó khăn vì chính sách của nước Mỹ được dựa vào tầm quan trọng sống còn của việc duy trì một nước Việt Nam (nguy - TG) độc lập” (5). Đầu năm 1952, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ đã chuẩn bị một báo cáo nghiên cứu về Đông Nam Á trong đó đưa ra cái mà sau này Tổng thống Aixenhao xem là quy tắc “quân domino”, rằng “sự sụp đổ của một quốc gia riêng lẻ sẽ dẫn đến việc các nước còn lại của nhóm này phục tùng tức thì một cách tương đối hoặc liên minh với chủ nghĩa cộng sản” (6). Bài nghiên cứu mô tả những quyền lợi sống còn của nước Mỹ đối với những nguồn lợi tự nhiên của khu vực này như cao su, thiếc và kết luận rằng nỗ lực của nước Pháp trong việc đánh bại Việt Minh cộng sản của Hồ Chí Minh là “quan trọng đối với an ninh của thế giới tự do, không chỉ ở Viễn Đông, mà cả ở Trung Đông và châu Âu” (7). Đầu tháng 10-1953, Phó Tổng thống Mỹ Níchxơn sang thăm Việt Nam để nắm tình hình. Trong một buổi chiều dài ở Hà Nội, Níchxơn tuyên bố “cuộc chiến đấu chống lại Việt Minh có tầm quan trọng vượt ra khỏi biên giới Việt Nam” và hứa với thực dân Pháp ở Đông Dương là “các bạn sẽ không phải chiến đấu mà thiếu sự giúp đỡ” (8). Trong thời gian

Điện Biên Phủ đang bị bao vây công phá, Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ đã đặt ra một kế hoạch, gọi là “Chiến dịch chim kền kền” (Operation Vulture) trong đó có việc dùng 3 quả bom nguyên tử chiến thuật loại nhỏ để phá huỷ các vị trí của Việt Minh và giải vây cho quân Pháp. Aixenhao còn tuyên bố tại một cuộc họp với các nhà lãnh đạo Quốc hội vào cuối tháng 3-1954 rằng nếu như tình hình quân sự ở Điện Biên Phủ trở nên thất vọng, ông sẽ xem xét việc sử dụng hành động sách lược, có thể là một cuộc đổ bộ của các lực lượng Tưởng Giới Thạch lên đảo Hải Nam hoặc dùng hạm đội phong toả lục địa Trung Quốc (9). Nhưng những dự định trên đều không được thực hiện vì nhiều lý do khác nhau. Mỹ muốn ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản nhưng chưa muốn trực tiếp can thiệp vào Đông Dương ngay sau khi chính Mỹ vừa mới thoát ra khỏi cuộc chiến tranh Triều Tiên nên muốn mượn tay người Pháp thêm một thời gian nữa. Nếu Pháp trụ được ở Đông Dương bằng tiền của Mỹ thì tiếng nói của Mỹ với Pháp sẽ là tiếng nói của ông chủ chi tiền. Đông Dương sẽ là con dê ngăn chặn “làn sóng đỏ” từ Trung Quốc tràn xuống Đông Nam Á.

Vào thời điểm này, Đảng Lao động Việt Nam vẫn nhấn mạnh cần phải kháng chiến trường kỳ, tránh những nguy cơ “hòa bình giả hiệu”, “độc lập giả hiệu”. Ngày 2-9-1953, trong lời kêu gọi nhân kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chúng ta bao giờ cũng chủ trương hòa bình. Nhưng chúng ta biết rằng cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ có thắng lợi mới tranh được hòa bình” (10). Tình hình quốc tế và diễn biến của cuộc kháng chiến đến đây đặt ra cho Việt Nam một thời cơ kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao. Đảng nhận

định rằng: “Trong lịch sử, có nhiều cuộc kháng chiến do thương lượng hoà bình mà đi đến đình chiến. Chiến tranh Triều Tiên là một thí dụ. Hơn nữa, hiện nay đường lối chung của phe ta trên thế giới là: dùng mọi cách để gây lại và tăng cường hoà hoãn quốc tế, giữ gìn củng cố hoà bình thế giới và tình hữu nghị giữa các dân tộc” và “vấn đề Việt Nam cũng như các vấn đề tranh chấp khác trên thế giới có thể giải quyết bằng cách thương lượng hoà bình” (11). Từ nhận định trên, Đảng đã quyết định mở cuộc tiến công trên mặt trận ngoại giao để phối hợp với cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954. Ngày 26-11-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với báo Thụy Điển: “Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó”, “Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thực sự của nước Việt Nam” và “Việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Chính phủ Pháp” (12). Tại Hội nghị hòa bình họp ở Viên (áo) từ ngày 23 đến 28-11-1953, đại biểu của Việt Nam Dân chủ cộng hòa là Lê Đình Thám đã chấp nhận khả năng thương lượng hòa bình về vấn đề Việt Nam.

Vậy là với những tuyên bố của hai bên Việt Nam và Pháp, được dư luận thế giới quan tâm ủng hộ, *thời kỳ thứ hai của cục diện vừa đánh vừa đàm trong kháng chiến chống Pháp được mở ra.*

Hội nghị Tứ cường (Liên Xô, Mỹ, Anh và Pháp) họp ở Béclin từ ngày 25-1 đến ngày 18-2-1954 đã ra thông báo cuối cùng, thoả

thuận triệu tập hội nghị quốc tế có đại diện của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham dự từ ngày 26-4-1954 để bàn giải pháp chính trị cho vấn đề Triều Tiên và giải quyết vấn đề chiến tranh Đông Dương. Sau này Nava đổ lỗi rằng Cao uỷ Pháp ở Đông Dương và ông ta đã không được Chính phủ báo trước về việc này cũng như về thời gian mở hội nghị, càng không được tham gia ý kiến về ngày giờ, về thời hạn và những thành phần dự hội nghị. Trong khi đó, phía Việt Minh hoàn toàn biết trước và ý thức họ có thể chờ đợi được những gì ở hội nghị. Theo Nava, đó là một nguyên nhân làm “đảo lộn mọi vấn đề” ở Điện Biên Phủ. Phía Việt Nam đã tạo cơ hội để nhanh chóng giành thắng lợi quyết định, điều chỉnh lại kế hoạch chiến lược, tiến hành tổng phản công sớm trước dự định để giành lấy toàn thắng. Nava viết: “Quyết định tai hại về việc họp Hội nghị Giơnevơ vào một thời điểm bất lợi nhất - tức là vào lúc ván bài của ta không thể kịp điều chỉnh được nữa - đã hoàn toàn làm thay đổi mọi căn cứ của vấn đề. Từ một mục tiêu thuần túy quân sự, đối thủ của chúng ta đã biến Điện Biên Phủ thành một mục tiêu chủ yếu là chính trị, đáng giá với mọi hy sinh, bởi việc mất nó sẽ dẫn đến sự “sụp đổ tinh thần của nước Pháp”, mà Tướng Giáp đã nêu trong một chỉ thị của ông ta... Chính là vào ngày quyết định họp Hội nghị Giơnevơ mà số phận của Điện Biên Phủ đã được định đoạt” (13).

Trên đây chỉ là cách “bào chữa” của tướng bại trận. Cá nhân Nava cũng như toàn bộ Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương trong điều kiện lúc bấy giờ không thể không biết về những tin tức thời sự nổi bật được nhiều phương tiện truyền thông phát khắp thế giới. Các phương tiện truyền thông họ có trong tay lúc đó càng không thể kém Việt Minh. Họ lập ra tập đoàn cứ điểm

Điện Biên Phủ là để chủ động đón đánh quân chủ lực Việt Minh nhằm tìm kiếm một thắng lợi quyết định để chiếm ưu thế trong đàm phán. Phía Việt Nam chấp nhận sự thách thức đó, nhằm vào chỗ mạnh nhất của địch để tiến công nên từ tháng 12-1953 đã tổ chức bao vây Điện Biên Phủ. Ngày mở màn chiến dịch được dự kiến ban đầu là 20-1-1954, và đến ngày 26-1-1954, trước khi Hội nghị Tứ cường ở Béclin ra thông cáo cuối cùng 22 ngày, phía Việt Nam còn thay đổi phương châm từ *đánh nhanh giải quyết nhanh* sang *đánh chắc tiến chắc*. Tiếng pháo dội vào cứ điểm Him Lam của Quân đội nhân Việt Nam mở màn chiến dịch nổ ra vào đêm ngày 13-3-1954, nghĩa là trước ngày khai mạc Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương gần hai tháng. Điều đó cho thấy không phải Việt Nam biết trước về Hội nghị Giơnevơ mới điều chỉnh kế hoạch chiến lược. Vấn đề đã được lật ngửa và cả hai bên đều biết rằng đây là trận chiến có tính chất quyết định của toàn bộ cuộc chiến tranh. Vấn đề là Nava và các cộng sự của ông đã quá tin tưởng vào Điện Biên Phủ, coi đây là pháo đài bất khả xâm phạm, là một "Vécdoong châu Á", sẵn sàng chờ đợi một trận quyết chiến chiến lược, giành chiến thắng để làm thế mạnh cho cuộc thương lượng như đã dự liệu từ khi ông nhận lệnh sang Đông Dương. Họ không nhận ra là Điện Biên Phủ khác với Vécdoong. Quân đội Pháp ở Vécdoong cố thủ ngay trên đất nước mình trong một thời gian dài (từ 12-2 đến 3-9-1916) để chống lại quân Đức, còn quân đội viễn chinh Pháp năm 1953-1954 lại là đội quân xâm lược cố thủ tại một tập đoàn cứ điểm ngay trên đất nước của đối phương. Chủ quan và đánh giá sai đối thủ là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của các đạo quân xâm lược nói riêng và trong chiến tranh nói chung.

Một đặc điểm quan trọng của thời kỳ vừa đánh vừa đàm lần thứ hai này là Việt Nam đã giành thắng lợi trong một trận quyết chiến chiến lược trước khi bước vào đàm phán chính thức. Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc vào ngày 8-5-1954, ngay sau ngày lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" của Quân đội nhân dân Việt Nam tung bay trên nóc hầm của Tướng Đờ Cátxtori. Đây là món quà mà quân và dân trong nước tặng đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Phạm Văn Đồng trước lúc lên đường đi Giơnevơ. Sự kiện này đương nhiên tác động sâu sắc đến bầu không khí Hội nghị Giơnevơ mà nhiều tác giả đã đề cập đến.

Trong thời gian diễn ra Hội nghị Giơnevơ, trên đà thắng lợi lớn ở Điện Biên Phủ, trong cả nước đã diễn ra một cao trào tiến công và nổi dậy của quân và dân Việt Nam, tiếp tục tiêu diệt sinh lực địch. Ở các vùng đô thị đang bị chiếm đóng, đấu tranh chính trị hợp pháp và không hợp pháp diễn ra sôi nổi. Chính quyền thực dân ở vùng tạm chiếm hoang mang. Nguy quyền hầu như bị tê liệt, khối nguy quân đang trên đà tan rã. Những sự kiện quân sự, chính trị sau Điện Biên Phủ từ Đông Dương dội về nước Pháp khiến cho Chính phủ Pháp lúc này đã phải đặt ra mục tiêu chính và trên hết là cứu lấy quân đội viễn chinh Pháp. Đó chính là sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị trong nước với cuộc đấu tranh ngoại giao của phái đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Giơnevơ.

Sau một thời gian đấu tranh, tại phiên họp cuối cùng ngày 20-7, đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định chấp nhận lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, và thời hạn tổ chức tổng

tuyển cử là hai năm như đề nghị của Chu Ân Lai trong cuộc gặp với Hồ Chí Minh tại Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Quốc) đầu tháng 7-1954. Đêm 20 rạng ngày 21-7-1954, đại diện hai bên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Pháp đã ký Hiệp định đình chỉ chiến sự về Việt Nam. Hội nghị bế mạc với việc thông qua bản tuyên bố cuối cùng xác nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam: Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; Tổ chức tổng tuyển cử ở Việt Nam trong thời hạn hai năm; Nghe các tuyên bố đơn phương và tham luận của các thành viên. Riêng Mỹ, để dọn đường xâm lược Đông Dương sau này, từ cách đó một tháng, Phó Tổng thống Mỹ Níchxon đã yêu cầu Ngoại trưởng Mỹ Đalét “không tham gia bất kỳ một văn bản nào có thể dẫn đến sự dẫu hàng của bất kỳ bên nào ở Đông Dương đối với những người cộng sản” (14). Ngày 18-7 đại diện Mỹ khẳng định sẽ không tham gia vào bản tuyên bố cuối cùng và cùng ngày tại Mỹ, Tổng thống Aixenhao trong một cuộc họp báo khẳng định rằng Mỹ không bị hiệp nghị Giơnevơ ràng buộc.

Giải pháp Giơnevơ không phản ánh đầy đủ những thắng lợi của Việt Nam trên chiến trường và xu thế của cuộc đấu tranh giữa Việt Nam với Pháp, cũng không đáp ứng đầy đủ những yêu cầu do đoàn đại biểu Việt Nam đưa ra, nhưng đó là một kết quả logic tất yếu trong điều kiện kháng chiến của Việt Nam vào thời điểm đó. Ta hãy phân tích vấn đề trên hai khía cạnh:

Thứ nhất là quan hệ quốc tế vào thời điểm diễn ra Hội nghị Giơnevơ: Một văn kiện ngoại giao về chấm dứt chiến tranh do nhiều bên tham gia được ký kết không chỉ phản ánh đơn thuần kết quả đạt được trên chiến trường của các bên trực tiếp tham chiến, mà còn phải phản ánh tương quan

lực lượng một cách toàn diện trong đó không thể không tính đến lợi ích của các bên có liên quan. Hội nghị Giơnevơ diễn ra trong bối cảnh quốc tế phức tạp (mà nói chung tính riêng ở thế kỷ XX, bối cảnh quốc tế luôn luôn phức tạp với hai cuộc chiến tranh thế giới ở nửa đầu thế kỷ và cuộc chiến tranh lạnh chiếm gần hết nửa sau thế kỷ). Các nước lớn tham gia Hội nghị luôn đóng một vai trò quan trọng trong mọi vấn đề. Ngoài mục tiêu chung để ngồi vào bàn Hội nghị thì mỗi đoàn đại biểu đều có mục đích riêng phù hợp với lợi ích quốc gia của mình. Lợi ích quốc gia của các nước không phải lúc nào cũng đồng nhất. Bàn về vấn đề của chính mình nhưng các đoàn đại biểu đến từ các nước ở Đông Dương lại chỉ tham gia Hội nghị với tư cách là khách mời. Thực chất, các nước lớn đã đem vấn đề Đông Dương ra để mặc cả, trao đổi với nhau. Đây là vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự kiến từ trước, nên khi trả lời nhà báo Thụy Điển, trong khi hoan nghênh những nước trung lập nào muốn cố gắng để chấm dứt chiến tranh, Người đã lưu ý là việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa với Chính phủ Pháp.

Thứ hai là về quân sự: cần phải thấy rằng, mặc dù đế quốc Pháp thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ nhưng xét toàn cục đến lúc đó Pháp vẫn chưa thất bại hoàn toàn. Nava cho rằng quân đội Pháp đã chịu “trận thua rất đau về chiến thuật nhưng không phải là bị đánh bại trong chiến tranh” (15). Nava cho rằng sau Điện Biên Phủ, nước Pháp hoàn toàn có thể gửi quân tăng viện và điều đó sẽ “giành cho những nhà ngoại giao ta (Pháp - TG) tất cả các con chủ bài để đạt tới hòa bình trong vinh dự. Nó lại không tổn hại đến cục diện quân sự trong trường hợp phải tiếp tục chiến tranh” (16). Cũng cần phải nhìn nhận rõ là để giành

chiến thắng ở Điện Biên Phủ, quân và dân Việt Nam phải chịu những tổn thất hy sinh to lớn. Số thương vong của bộ đội Việt Nam qua 56 ngày đêm của chiến dịch là: hy sinh 4020, mất tích 792 và bị thương 9118 (17). Đây là những con số không hề nhỏ, chưa kể đến thương vong của lực lượng dân công phục vụ chiến dịch. Nhân lực vật lực đã huy động tối đa để giành chiến thắng cho một chiến dịch quan trọng, dù sau đó quân và dân cả nước vẫn tiếp tục phát huy thế thắng lợi để tiến công tiêu diệt địch, nay vẫn cần có thời gian “hưu chiến” để phục hồi cho những trận chiến đấu tiếp theo.

Ngay sau ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở toàn quân toàn dân: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để tranh lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình. Bất kỳ đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn” (18).

Ngày 15-7-1954, báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu mở rộng (khoá II), Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi phân tích thế của ta sau chiến thắng Điện Biên Phủ là thế mạnh, thế của địch là thế yếu, cũng cảnh báo: “Thế mạnh và yếu ấy là tương đối, không phải tuyệt đối. Ta chớ chủ quan khinh địch. Thắng lợi của ta làm cho đế quốc Mỹ tỉnh dậy”. Trước tình mới, ta không thể giữ khẩu hiệu “Kháng chiến đến cùng”. Người cho rằng “Để chống Mỹ trực tiếp can thiệp, kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương, ta phải nắm vững lá cờ hòa bình” và “Dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức”. Trong tình hình mới, Người cảnh báo tư tưởng sai lầm

“tả” khuynh và “hữu” khuynh. Tư tưởng “tả” khuynh “chỉ thấy cây không thấy rừng, chỉ thấy Pháp rút mà không thấy âm mưu của chúng; chỉ thấy Pháp không thấy Mỹ; thiên về tác chiến, xem khinh ngoại giao... đề ra những điều kiện quá cao, địch không thể nhận được...” “*Tả khuynh* thì sẽ bị cô lập, sẽ xa rời nhân dân ta và nhân dân thế giới và sẽ thất bại. *Hữu khuynh* thì bi quan tiêu cực, nhân nhượng vô nguyên tắc...” (19). Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị này cũng phân tích đặc điểm đầu tiên của tình hình mới là: “Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng so sánh giữa ta và địch đã thay đổi có lợi cho ta, nhưng chưa thay đổi về căn bản. Trên một chiến trường nào đó, trong một phạm vi nào đó, thế của ta có mạnh hơn địch, nhưng nói chung toàn quốc, sức ta so với sức địch mới xấp xỉ” (20).

Phải kết nối sự kiện Hội nghị Trung ương lần thứ sáu mở rộng (khoá II) với cuộc gặp giữa Hồ Chí Minh (cùng đi có cả Võ Nguyên Giáp, vị Đại tướng Tổng tư lệnh nắm rất rõ tình hình quân sự trong nước sau chiến thắng Điện Biên Phủ) với Chu Ân Lai tại Liễu Châu trước đó 10 ngày và việc ký kết Hiệp định đình chiến tại Giơnevơ sau đó 6 ngày thì mới thấy tính chất phức tạp và khó khăn của cuộc đấu tranh ngoại giao tại Giơnevơ. Để tránh mọi âm mưu phá hoại cuộc thương lượng, kéo dài chiến tranh thì việc sớm ký kết hiệp định là cần thiết. Như vậy, cái mà Việt Nam nhân nhượng “đúng mức” ở đây không chỉ đối với riêng Pháp, mà còn đối với cả lợi ích của các bên tham dự hội nghị. Như vậy, sức mạnh đấu tranh của Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ như là một vectơ lực tổng hợp bao gồm kết quả của đấu tranh quân sự, đấu tranh ngoại giao trong đó phải tính đến “sự thoả hiệp của các nước tham dự hội

ngiht, trước hết là giữa các nước lớn, kể cả những nước ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam” (21).

Trên hết, với việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, Việt Nam “đã thu được thắng lợi lớn: Chính phủ Pháp đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta, thừa nhận quân đội Pháp sẽ rút khỏi nước ta...” (22). Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam

mặc dù chưa kết thúc nhưng nó đã có một tiền đề pháp lý là Hiệp định Giơnevơ và một hiện thực rất quan trọng là miền Bắc được giải phóng làm hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam sau này. Kinh nghiệm của thời kỳ vừa đánh vừa đàm để kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp đã được Việt Nam vận dụng triệt để trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước về sau.

CHÚ THÍCH

(1), (3). Lưu Văn Lợi. *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam*. Tập 1. Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 167, 166.

(2). Henri Navarre. *Thời điểm của những sự thật*. Nxb. Công an Nhân dân và Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Hà Nội, 1994, tr. 102.

(4). Phrăngxo Gioayô. *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (Giơnevơ 1954)*. Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1981, tr. 124-125.

(5), (6), (7), (8), (9). R. Nixon. *The memoirs of Richard Nixon*, Grosset & Dunlap, A Filmways Company Publishers. New York, 1978, tr. 150, 150, 150, 150, 151.

(10), (12). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. Tập 7. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 136, 168-169.

(11). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 555.

(13), (16). Henri Navarre, Sđd, tr. 238-240, 257.

(14). R. Nixon, Sđd, tr. 155.

(15). Phrăngxo Gioayô, Sđd, tr. 170.

(17). Nguyễn Huệ Mẫn. *Một vài số liệu về chiến dịch Điện Biên Phủ*. Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 3-2004, tr. 46.

(18), (19), (22). Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 272, 313-316-318, 321.

(20). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 15, 1954, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 173.

(21). Phan Huy Lê. *Chiến thắng Điện Biên Phủ trong lịch sử và bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam*. Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 2-2004, tr. 11.